



CHƯƠNG 4: TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

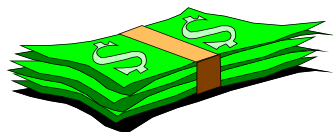


MỤC TIÊU

- **Sự cần thiết phải tính giá các đối tượng kế toán**
- **Các nguyên tắc và nhân tố ảnh hưởng đến việc tính giá các đối tượng kế toán**
- **Tính giá các đối tượng chủ yếu**

1. Sự cần thiết phải tính giá các đối tượng kế toán:





100.000



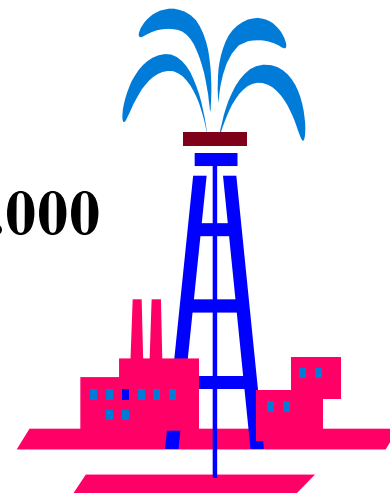
30.000

15.000.000



Anh hãy
giúp tôi
tính
tổng tài
sản của
DN nhé!

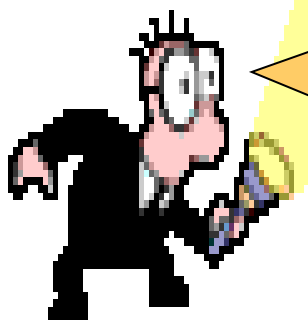
10.000.000



350.000

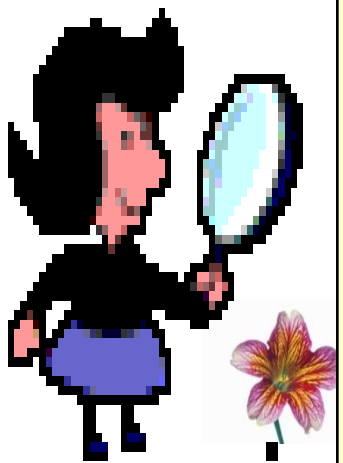


Thưa ông, tổng
tài sản của DN
là 25.880.000





Tính giá là một phương pháp kế toán biểu hiện các đối tượng kế toán **bằng tiền** theo những nguyên tắc và yêu cầu nhất định.



2. Các nguyên tắc ảnh hưởng đến việc tính giá các đối tượng kế toán

1. NGUYÊN TẮC GIÁ GỐC
2. NGUYÊN TẮC NHẤT QUÁN
3. NGUYÊN TẮC THẬN TRỌNG
4. NGUYÊN TẮC KHÁCH QUAN
5. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC



1. NGUYÊN TẮC GIÁ GỐC

Nguyên tắc này yêu cầu việc xác định giá trị của tài sản phải căn cứ vào chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được tài sản đó.

**Tôi mua 1 TSCĐHH, giá mua 50.000.000 đồng.
Chi phí vận chuyển 150.000 đồng. Vậy ghi nhận
giá trị TS của tôi là bao nhiêu?**



**Còn theo tôi,
giá trị TS sẽ
là 50.150.000
đồng.**

**Tôi nghĩ giá
trị TS là
50.000.000
đồng.**



2. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC:

Nguyên tắc này yêu cầu việc ghi nhận giá trị của Tài sản phải ghi theo giá gốc chứ không được sử dụng giá thị trường.

Khi nào giả thiết hoạt động liên tục bị vi phạm thì giá thị trường mới được sử dụng.

3. NGUYÊN TẮC THẬN TRỌNG:

Nguyên tắc này cho phép doanh nghiệp được ghi nhận trước một khoản lỗ nếu có bằng chứng cho thấy giá gốc lớn hơn giá thị trường (giảm giá), còn đối với các khoản lãi chỉ được ghi nhận khi thực tế đã xảy ra.

4. NGUYÊN TẮC NHẤT QUÁN:

Nguyên tắc này yêu cầu việc sử dụng các phương pháp tính giá phải nhất quán liên tục trong nhiều kì kế toán; để phục vụ yêu cầu so sánh. Trường hợp, doanh nghiệp muốn thay đổi phương pháp tính giá thì phải giải trình lí do thay đổi và ảnh hưởng của sự thay đổi đến các báo cáo tài chính.

5. NGUYÊN TẮC KHÁCH QUAN:

Đây là nguyên tắc bảo vệ cho nguyên tắc giá gốc là do tài sản phải được ghi chép theo chi phí chứ không ghi chép theo một lượng giá trị như giá thị trường dự kiến. Nguyên tắc này yêu cầu việc xác định và ghi nhận giá trị của TS phải dựa trên những bằng chứng có thể thẩm tra được.

3. TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

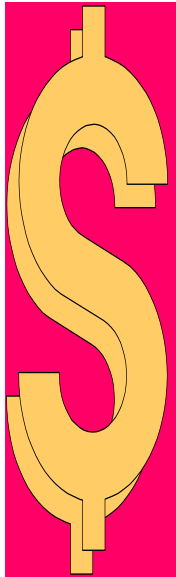
3.2. HÀNG TỒN KHO



3.1. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

- **Tài sản cố định do mua sắm**
- **Tài sản cố định xây dựng mới**
- **Tài sản cố định được cấp**
- **Tài sản cố định nhận góp vốn liên doanh hoặc góp cổ phần**
- **Tài sản cố định có được từ biểu, tặng, cho**

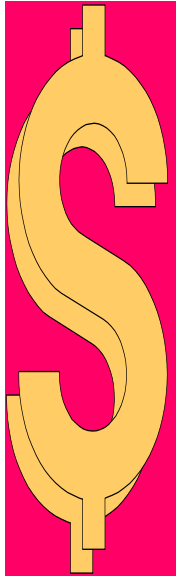
Tài sản cố định mua sắm:



$$\text{NG} = \text{Giá trị mua thực tế} + \text{Chi phí trước khi sử dụng và một số khoản khác có liên quan}$$



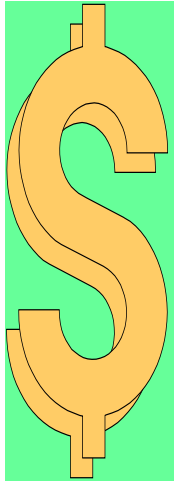
Tài sản cố định được cấp:



NG = Giá trị còn lại ghi trên sổ sách đơn vị cấp + Chi phí trước khi sử dụng



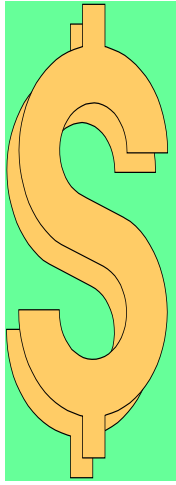
Tài sản cố định nhận vốn góp liên doanh hoặc góp cổ phần:



Nguyên giá của tài sản là giá trị vốn góp do các bên thoả thuận và các khoản chi phí trước khi sử dụng.



Tài sản cố định có được từ biểu, tặng, cho



Nguyên giá = Giá trị hợp lý trên thị trường + Các chi phí khác tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (nếu có)

Tính giá tài sản cố định ngoài việc tính theo giá thực tế ban đầu (tức là nguyên giá), kế toán còn tính theo giá trị còn lại bằng cách lấy nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn.

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá} - \text{Khấu hao lũy kế}$$

3.2. HÀNG TỒN KHO:

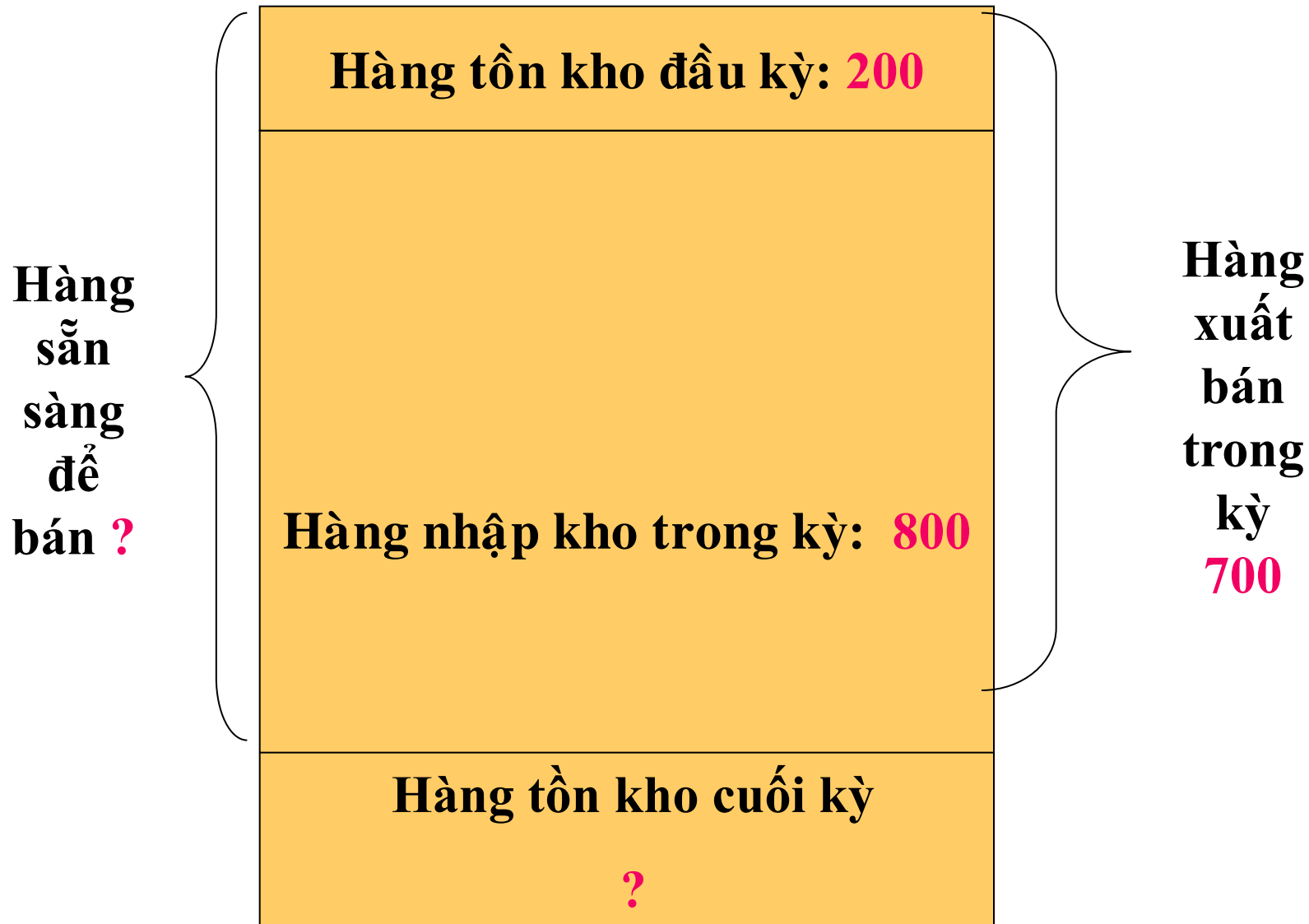
- a. Phương pháp quản lý hàng tồn kho**
- b. Phương pháp tính giá hàng nhập kho**
- c. Phương pháp tính giá hàng xuất kho**

HÀNG TỒN KHO:



a. Phương pháp quản lý hàng tồn kho

a.1. Phương pháp kê khai thường xuyên



Phương pháp kê khai thường xuyên

- Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập- xuất- tồn kho vật tư hàng hoá trên sổ sách. Vì vậy số tồn kho thực tế luôn bằng số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch thì phải truy tìm nguyên nhân và xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên

Ưu điểm: Quản lý hàng tồn kho chặt chẽ, xác định nhanh, kịp thời số dư hàng tồn kho phục vụ cho việc quản lý kinh doanh.

Nhược điểm: Khối lượng công việc kế toán chi tiết nhiều.

Phương pháp kê khai thường xuyên

Mối quan hệ nhập xuất tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thể hiện qua công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{tồn} \\ \text{kho} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{xuất} \\ \text{trong} \\ \text{kỳ.} \end{array}$$

a.2. Phương pháp quản lý hàng tồn kho kiểm kê định kỳ

Hàng sẵn sàng để bán 1000

Hàng tồn kho đầu kỳ 200

Hàng nhập kho trong kỳ 800

Hàng tồn kho cuối kỳ 300

Tôi đang kiểm kê hàng tồn kho cuối kỳ và nó có giá trị là 300



Hàng xuất bán trong kỳ

?

Phương pháp kiểm kê định kỳ

Là phương pháp mà trong kỳ kế toán chỉ tổ chức theo dõi các nghiệp vụ nhập vào, cuối kỳ kiểm tra tình hình tồn kho, định giá rồi mới xác định trị giá hàng xuất trong kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ

Ưu điểm: Tiết kiệm chi phí kế toán

Nhược điểm: Công tác quản lý hàng tồn kho lỏng lẻo, hàng có thể mất mà kế toán không biết, không biết kịp thời hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán.

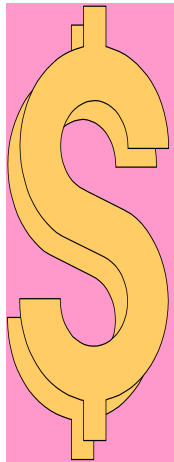
Phương pháp kiểm kê định kỳ

Mối quan hệ nhập xuất tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thể hiện qua công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{xuất} \\ \text{trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{tồn kho} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

b. Phương pháp tính giá hàng nhập kho

Hàng tồn kho mua ngoài:



Giá thực tế = Giá mua ghi trên hoá đơn + Chi phí thu mua - Các khoản giảm trừ



- **Giá mua ghi trên hoá đơn**

Là tổng giá mua không bao gồm thuế GTGT (nếu tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) hoặc tổng giá thanh toán bao gồm cả thuế GTGT (nếu tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp) và các khoản thuế không hoàn lại khác (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt).



+ Chi phí thu mua:

Chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, chi phí bảo hiểm, chi phí kho tàng bến bãi, hao hụt định mức...

+ Các khoản giảm trừ:

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Ví dụ 1

Công ty mua NVL như sau:

- Trị giá NVL theo hóa đơn 11.000.000 gồm 10% thuế GTGT, đã trả tiền mặt khách hàng
- Chi phí vận chuyển NVL 550.000 gồm 10% thuế GTGT đã trả bằng tiền mặt
- Chi phí đi lại và ăn ở của nhân viên trong quá trình mua NVL là 800.000 trả bằng tiền tạm ứng.

Tính trị giá NVL nhập kho theo hai phương pháp thuế GTGT khấu trừ và thuế GTGT trực tiếp.

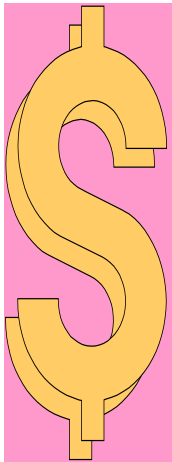
Ví dụ 2:

Công ty mua NVL như sau:

- Trị giá NVL theo hóa đơn 22.000.000 gồm 10% thuế GTGT, đã trả tiền gửi ngân hàng
- Chi phí vận chuyển NVL 1.100.000 gồm 10% thuế GTGT đã trả bằng tiền mặt
- Chi phí đi lại và ăn ở của nhân viên trong quá trình mua NVL chưa thuế GTGT 10% là 2.000.000 trả bằng tiền tạm ứng.

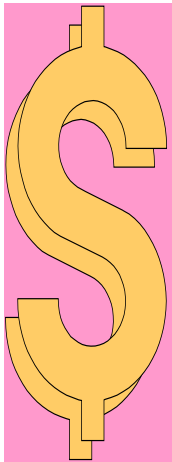
Tính trị giá NVL nhập kho theo hai phương pháp thuế GTGT khấu trừ và thuế GTGT trực tiếp.

Hàng tồn kho tự chế biến hoặc thuê ngoài



Giá thực tế = Giá thực tế HTK + CP chế biến, thuê ngoài

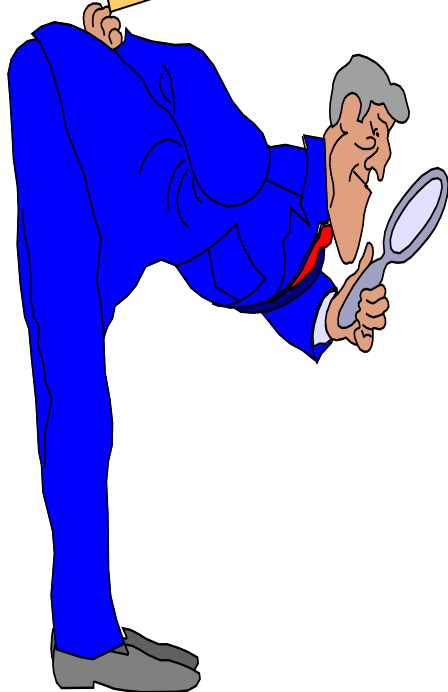
Nhận góp vốn liên doanh hoặc vốn góp cổ phần



Giá thực tế nhập kho do hợp đồng định giá xác định.

c. Phương pháp tính giá hàng xuất kho

Hãy giúp tôi tính
giá vốn của 400 lít
xăng xuất bán
sáng nay nhé!!!



Các phương pháp tính giá xuất kho:

a. Thực tế
đích danh

b. Nhập trước
xuất trước

c. Đơn giá
bình quân



Phương pháp thực tế đích danh

- Theo phương pháp thực tế đích danh thì giá hàng hoá xuất kho là giá thực tế nhập kho của hàng hoá đó.
- Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp kinh doanh hay sản xuất những hàng hoá có giá trị lớn như vàng bạc đá quý, xe hơi, mặt hàng thủ công mỹ nghệ hay nghệ thuật như tranh ảnh có giá trị lớn

Ví dụ: Tại một doanh nghiệp có tài liệu tháng 01/2025 như sau:

Vật liệu tồn kho đầu tháng 200 kg đơn giá 5.000đ/kg.

Ngày 2/1, nhập kho 800kg, đơn giá 5.200đ/kg.

Ngày 15/1, vật liệu xuất kho là 900 kg.

Yêu cầu:

Xác định số lượng, trị giá vật liệu xuất kho, số lượng, trị giá vật liệu tồn cuối kỳ theo phương pháp thực tế đích danh, biết rằng trong số vật liệu xuất kho có 150 kg thuộc số tồn đầu tháng và 750 kg thuộc số nhập trong tháng.

Phương pháp nhập trước xuất trước



Phương pháp này **giả định** rằng những hàng hoá nào nhập trước sẽ được xuất trước. Những hàng hoá tồn kho cuối kỳ là những hàng hoá nhập kho gần đây nhất.



Ví dụ: Tại một doanh nghiệp có tài liệu tháng 01/2025 như sau:

Vật liệu tồn kho đầu tháng 200 kg đơn giá 5.000đ/kg.

Ngày 2/1, nhập kho 800kg, đơn giá 5.200đ/kg.

Ngày 15/1, xuất kho 900 kg cho sản xuất.

Ngày 20/1, nhập kho 3.000kg, đơn giá 5.500đ/kg

Ngày 25/1, xuất kho 2.500kg cho sản xuất.

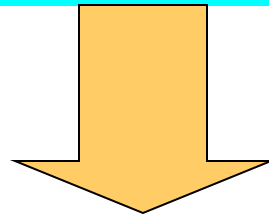
Yêu cầu:

Xác định số lượng, trị giá vật liệu xuất kho tại các ngày trong tháng, số lượng, trị giá vật liệu tồn kho cuối tháng theo phương pháp FIFO.

Phương pháp đơn giá bình quân



Theo phương pháp đơn giá bình quân thì giá trị hàng hoá xuất kho được tính theo công thức sau.



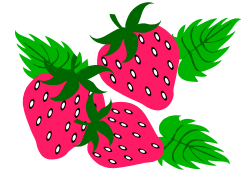
Giá thực tế hàng xuất kho
= SL hàng xuất kho × **ĐG bình quân**



Đơn giá bình quân

- ✚ Đơn giá bình quân cuối kỳ
- ✚ Đơn giá bình quân liên hoàn

Đơn giá bình quân cuối kỳ



$$\text{ĐGBQ} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập kho trong kỳ}}$$

Ví dụ: Tại một doanh nghiệp có tài liệu tháng 01/2025 như sau:

Vật liệu tồn kho đầu tháng 200 kg đơn giá 5.000đ/kg.

Ngày 2/1, nhập kho 800kg, đơn giá 5.200đ/kg.

Ngày 15/1, xuất kho 900 kg cho sản xuất.

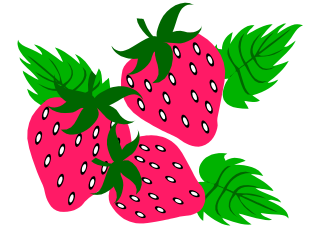
Ngày 20/1, nhập kho 3.000kg, đơn giá 5.500đ/kg

Ngày 25/1, xuất kho 2.500kg cho sản xuất.

Yêu cầu:

Xác định số lượng, trị giá vật liệu xuất kho tại các ngày trong tháng, số lượng, trị giá vật liệu tồn kho cuối tháng theo phương pháp đơn giá bình quân cuối kỳ.

Đơn giá bình quân liên hoàn



$$\text{ĐGBQ} = \frac{\text{(Trị giá vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ +
Trị giá vật tư hàng hóa nhập trước
lần xuất thứ i)}}{\text{(Số lượng vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ
+ Số lượng vật tư hàng hóa nhập
trước lần xuất thứ i)}}$$

Ví dụ: Tại một doanh nghiệp có tài liệu tháng 01/2025 như sau:

Vật liệu tồn kho đầu tháng 200 kg đơn giá 5.000đ/kg.

Ngày 2/1, nhập kho 800kg, đơn giá 5.200đ/kg.

Ngày 15/1, xuất kho 900 kg cho sản xuất.

Ngày 20/1, nhập kho 3.000kg, đơn giá 5.500đ/kg

Ngày 25/1, xuất kho 2.500kg cho sản xuất.

Yêu cầu:

Xác định số lượng, trị giá vật liệu xuất kho tại các ngày trong tháng, số lượng, trị giá vật liệu tồn kho cuối tháng theo phương pháp đơn giá bình quân liên hoàn.

Bài tập ôn tập

Có tài liệu về vật liệu A như sau:

Tồn kho đầu tháng 10/2025: 1.000 kg x 5.000 đ/kg.

1. Ngày 3/10 nhập kho: 1.000 kg, giá mua 5.200 đ/kg.

2. Ngày 6/10 xuất kho 1.200 kg để sản xuất sản phẩm.

3. Ngày 20/10 nhập kho 2.000 kg, giá mua 5.100 đ/kg.

4. Ngày 25/10 xuất kho 1.000 kg để sản xuất sản phẩm.

Yêu cầu: Xác định số lượng, trị giá vật liệu xuất dùng tại các ngày trong tháng, số lượng, trị giá vật liệu tồn kho cuối tháng theo phương pháp FIFO, đơn giá bình quân cuối kỳ, đơn giá bình quân liên hoàn.

BÀI TOÁN KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ

Ví dụ :

NVL tồn kho đầu tháng 01/2025: 10 kg, đơn giá 1.000 đồng/kg

Tình hình nhập kho trong kỳ:

Ngày 01: Nhập 20 kg, đơn giá nhập 1.100 đồng /kg.

Ngày 10: Nhập kho 30 kg nguyên vật liệu, đơn giá 1.200 đồng/kg.

Cuối tháng kiểm kê vật liệu tồn kho cuối tháng là 25 kg.

Yêu cầu: Tính số lượng, trị giá xuất kho vật liệu theo các phương pháp biết rằng DN áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ.